

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 9 năm 2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa

2. Bà Hoàng Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê NGc Mai- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đặng Thị Thanh TH, sinh năm 1994
Cư trú: thôn KH, xã Đ Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: anh Phùng Văn NG, sinh năm 1990.

Cư trú: thôn Đồng C, xã Bắc L, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2021, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là chị Đặng Thị Thanh TH trình bày: Chị kết hôn với anh Phùng Văn NG ngày 28/12/2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã Bắc L, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và sống chung cùng anh NG. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống,

vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Phùng Văn NG.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phùng Thị Thu Nga, sinh ngày 16/8/2018. Hiện con chung đang ở cùng anh NG. Vợ chồng ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh Phùng Văn NG nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị và anh NG tự TH thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung, ruộng đất, công sức: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị có đơn xin được vắng mặt khi xét xử

* Bị đơn anh Phùng Văn NG trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh kết hôn với chị Đặng Thị Thanh TH ngày 28/12/2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã Bắc L, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị TH về làm dâu và sống chung cùng anh ngay. Quá trình chung sống thời gia đầu vợ chồng sống bình thường hạnh phúc, đến tháng 4/2021 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi nhau, chị TH đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ tháng 04/2021 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị TH yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa hòa giải để chị TH về đoàn tụ. Trường hợp chị TH kiên quyết ly hôn thì anh Cng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị TH.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phùng Thị Thu Nga, sinh ngày 16/8/2018, hiện con chung đang ở cùng anh. Vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung, ruộng đất, công sức: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị có đơn xin được vắng mặt khi xét xử

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Đặng Thị Thanh TH được ly hôn anh Phùng Văn NG

2, Về con chung: Giao con chung là Phùng Thị Thu Nga, sinh ngày 16/8/2018 cho anh Phùng Văn NG nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

3, Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4, Về công nợ chung, ruộng đất, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5, Về án phí: Chị TH phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Đặng Thị Thanh TH và bị đơn là anh Phùng Văn NG đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2]- Về quan hệ tình cảm: chị Đặng Thị Thanh TH và anh Phùng Văn NG 28/12/2017 có đăng ký kết hôn UBND xã Bắc L, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau, chị TH có đơn xin ly hôn anh NG không đồng ý, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp chị TH kiên quyết ly hôn thì anh Cng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị TH, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã báo cho anh NG nhiều lần nhưng anh NG không đến Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải, anh NG có đơn xin vắng mặt khi xét xử, chứng tỏ anh NG không thật sự tha thiết vợ chồng về đoàn tụ. Do đó, có cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị TH và anh NG không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được,

chị TH yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phùng Thị Thu Nga, sinh ngày 16/8/2018, hiện con chung đang ở cùng anh, Ly hôn chị TH đề nghị giao con chung cho anh NG nuôi dưỡng, anh NG đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường. Do vậy, cần giao cháu Nga cho anh Phùng Văn NG tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị TH và anh NG: không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất, công sức: Cả chị TH và anh NG xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]- Về án phí: chị Đặng Thị Thanh TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Đặng Thị Thanh TH được ly hôn anh Phùng Văn NG

2, Về con chung: Giao con chung là Phùng Thị Thu Nga, sinh ngày 16/8/2018 cho anh Phùng Văn NG nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: chị Đặng Thị Thanh TH phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số

AA/2017/0000798 ngày 24/06/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xác nhận chị TH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Bắc L, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang ;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Ngô Thanh Thuần

